

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP

Đợt 10

(Theo công văn số 15966/QLD-CL ngày 16/10/2020 của Cục Quản lý Dược)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
1	596	AT-010	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m. b.H	Oberlaaerstraße 235, 1100 Wien, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm từ máu; Sản phẩm miễn dịch; Chế phẩm phân đoạn (intermediates out of fractionation)	EU-GMP	INS-480018-0072-001 (21/40)	08-05-2019	14-01-2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria
2	597	AU-004	AstraZeneca Pty Ltd	10-14 Khartoum Road, NORTH RYDE, NSW 2113, Australia	* Thuốc vô trùng: Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-04069-1	23-04-2020	07-09-2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia
3	598	AU-006	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormon, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bơm/thổi (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm; thuốc nước uống.	Tương đương EU-GMP	MI-2015-LI-12213-1	27-02-2018	12-10-2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia
4	599	AU-009	Contract manufacturing & Packgaking Services Pty Ltd	20-22 Long Street, Smithfield NSW, 2164, Australia	* Thuốc không vô trùng (chứa dược liệu, vitamin, chất khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng) (không bao gồm các thử nghiệm vi sinh): viên nang mềm, thuốc kem, thuốc mỡ, gel.	Tương đương EU-GMP	MI-2018-LI-04661-1	19-06-2019	01-02-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia
5	600	BD-004	Square Pharmaceuticals Ltd	Square Road, Salgaria, Pabna, Bangladesh	* Viên nén: Viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén trần, viên nén nhai, viên nén kiểm soát giải phóng, viên nén phân tán, viên nén sủi bọt, viên nén đặt dưới lưỡi, viên nén đặt âm đạo. * Viên nang: Viên nang cứng, viên nang kiểm soát giải phóng. * Thuốc uống dạng lỏng: Siro, dung dịch, hỗn dịch, bột pha dung dịch, bột pha hỗn dịch, cốm pha dung dịch, cốm pha hỗn dịch, Elixir, dung dịch nhỏ giọt nhi khoa. * Thuốc dùng ngoài: kem, gel, mỡ, miếng dán, emulgel, lotion, dầu gội. * Thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi, dung dịch khí dung. * Thuốc đặt âm đạo, đặt trực tràng, thuốc xổ. * Dung dịch xúc miệng.	WHO-GMP	DA/6-5/99/4156	13-06-2019	13-06-2021	Directorate General of Drug Administration (DGDA) Bangladesh
6	601	BD-005	Square Pharmaceuticals Ltd. (Chemicals Division)	BSCIC Industrial Estate, Hemayetpur, Pabna 6602, Bangladesh	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Thuốc bột pha thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicilli: Viên nén bao phim, viên nén không bao, viên nén phân tán; Viên nang cứng; Bột pha hỗn dịch uống. * Sản xuất bán thành phẩm (không chứa kháng sinh nhóm Penicillin): Pellet.	WHO-GMP	DA/6-119/07/5416	04-08-2019	04-08-2021	Directorate General of Drug Administration & Licensing Authority (Drugs), Bangladesh
7	602	BG-001	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	BG/GMP/2020/174	14-05-2020	12-03-2023	Bulgarian Drug Agency

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
8	603	BR-001	Novartis Biociências S.A	AV Nossa Senhora da Assunção, 736, São Paulo São Paulo, Brasil (Cách viết khác: AV. Nossa Senhora da Assunção, No. 736, Butantã – CEP 05359-001, São Paulo - SP, Brasil)	* Thuốc vô trùng: dung dịch thuốc sản xuất vô trùng.	WHO-GMP	FT6S.NWTD. M6MF.7H0N .WDIX.OG76 .CLNB.MVRL. EYE2.4WOA	23-09-2019	23-09-2021	Brazilian Health Regulatory Agency
9	604	CA-008	Apotex Inc.	150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9, Canada (cơ sở sản xuất)	Sản xuất bán thành phẩm (không bao gồm công đoạn đóng gói): + Sản phẩm: Viên nén giải phóng chậm Esmacid (Esomeprazol dưới dạng (Esomeprazole magnesium) 40mg).	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	74259	10-02-2020	10-02-2021	Health Products Compliance Directorate, Health Canada
10	605	CA-009	Apotex Inc.	4100 Weston road, Toronto, Ontario, M9L 2Y6, Canada (cơ sở đóng gói)	Thực hiện công đoạn đóng gói: + Sản phẩm: Viên nén giải phóng chậm Esmacid (Esomeprazol dưới dạng (Esomeprazole magnesium) 40mg).	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	74260	10-02-2020	10-02-2021	Health Products Compliance Directorate, Health Canada
11	606	CH-021	IBSA Institut Biochemique SA	Via Cantonale - Zona Serta, Lamone, 6814, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.	Tương đương EU-GMP	18-2487	11-12-2018	18-10-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)
12	607	CH-022	IBSA Institut Biochemique SA	Via al Ponte 13, Lugano, 6903, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.	Tương đương EU-GMP	18-2289	13-11-2018	04-07-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)
13	608	CH-023	IBSA Institut Biochemique SA	Via del Piano, Pambio-Noranco, 6915, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.	Tương đương EU-GMP	18-2298	13-11-2018	04-07-2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)
14	609	CH-025	Alpex Pharma SA	Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén phân tán.	Tương đương EU-GMP	17-2448	08-01-2018	06-12-2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
15	610	CN-009	Tasly Pharmaceutical Group Co, Ltd	Site 1: No.2 Pujihe East Road, Beichen District, Tiajin (Tasly Modern TCM Garden); Site2: No.2 Tingjiang West Road, Beichen District, Tiajin. Site 3: Shangdan Circulation Industrial Park, Shangzhou District, Shangluo, Shaanxi Province. Site 4: No.82, Qianshan Road, Huanren manchu autonomous county, benxi, Liaoning Province, P.R China	Thuốc cổ truyền Trung Quốc: - Site 1: Viên hoàn giọt; Thuốc cổm; Chiết xuất đông dược. - Site 2: Thuốc cổm; Viên nang mềm; Viên hoàn; Viên hoàn giọt (đóng gói). - Site 3: Chiết xuất đông dược (Dầu Kinh Hoa, Dầu Tía Tô). - Site 4: Chiết xuất đông dược.	Chinese-GMP	TJ20180159	29-08-2018	28-08-2023	Chinese Food and Drug Administration
16	611	CN-020	Shanxi Xinbaoyuan Pharmaceutical Co., Ltd	Zhongyangdadao Northside Pharmaceutical Industrial Zone Datong City, China	Nguyên liệu làm thuốc Trimebutine maleate.	Chinese-GMP	SX20170213	07-12-2017	06-12-2022	Shanxi Province Food and Drug Administration, China
17	612	CY-001	Medochemie Limited (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	MED07/2018/001	10-08-2018	30-03-2021	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus
18	613	CY-003	Medochemie Limited - Factory C	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bột pha dung dịch tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenems).	EU-GMP	MED04/2018/002	10-08-2018	30-03-2021	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus
19	614	CY-008	Delorbis Pharmaceuticals Ltd	17 Athinon str., Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, Lefkosia, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói sơ cấp: các dạng thuốc trên bao gồm cả thuốc dạng rắn chứa độc tế bào. * Xuất xưởng: các dạng thuốc trên bao gồm cả thuốc vô trùng. * Kiểm tra chất lượng: phép thử vi sinh không vô trùng được hợp đồng với đơn vị Foodlab Ltd.	EU-GMP	DELOR/001/2019	13-05-2019	17-05-2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus
20	615	DE-018	Bayer Weimar GmbH und Co.KG	Bayer Weimar GmbH und Co.KG Döbereinerstraße 20, (hoặc Döbereinerstrasse 20) 99427 Weimar, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén và viên nén bao phim (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). * Đóng gói cấp 2 và xuất xưởng lọ hệ dán qua da và đóng gói lại thuốc dạng rắn	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2020-005	30-03-2020	21-02-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
21	616	DE-055	Madaus GmbH - 51101 Köln	Madaus GmbH Lütticher Straße 5, 53842 Troisdorf, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc xịt mũi); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm, pastilles); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn. * Xuất xưởng thuốc vô trùng.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2020_0058	14-07-2020	17-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức
22	617	DE-074	Aesica Pharmaceuticals GmbH	Alfred - Nobel - Str. 10 40789 Monheim am Rhein, Germany	* Kiểm tra chất lượng: hóa, lý.	EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2016_0048	20-04-2017	05-10-2019	Cơ quan thẩm quyền Đức
23	618	DE-076	Aesica Pharmaceuticals GmbH	Galileistrabe 6, 08056 Zwickau, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc lỏng uống, viên nén, miếng dán qua da, dạng bào chế rắn khác (viên nén bao, viên nén giải phóng chậm, thuốc bột, thuốc cốm, pellets)	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2017_1004	15-11-2017	17-08-2020	Cơ quan thẩm quyền Đức
24	619	ES-038	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Poligono Industrial de Bernedo, s/n, Bernedo, 01118 Alava - Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	ES/037HVI/19*	15-05-2020	19-06-2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha
25	620	FR-037	Sanofi Winthrop Industrie	56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporins).	EU-GMP	2020/HPF/F R/068	09-03-2020	31-10-2022	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)
26	621	FR-039	Fareva Amboise	Zone Industrielle, 29 route des Industries, POCE SUR CISSE, 37530, France	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc dán qua da (dị ứng nguyên); viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học (thuốc dán qua da): thuốc ức chế miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/115	16-04-2019	13-12-2021	French national Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)
27	622	FR-043	SANOFI PASTEUR	1541 avenue Marcel Mérieux, Marcy L'Etoile, 69280, France (Cách ghi khác: 1541 avenue Marcel Mérieux, Marcy L'Etoile 69280, France / 1541 avenue Marcel Mérieux, 69280 Marcy L'Etoile, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu, Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/123	15-04-2019	28-04-2020	French Health Products Safety Agency (AFSSAPS)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
28	623	GB-017	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom	* Thuốc vô trùng (không bao gồm xuất xưởng): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốt pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0037	11-03-2019	21-01-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom
29	624	GR-017	Anfarm Hellas S.A.	61st km NAT.RD. Athens - Lamia, Schimatari Viotas, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và carbapenem. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn; viên nén, viên bao phim chứa kháng sinh nhóm cephalosporins và carbapenem.	EU-GMP	62713/23-4-2019	11-07-2019	23-02-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece
30	625	GR-020	Genepharma AE / Genepharma SA	18th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	70926/3-6-2019	21-06-2019	17-04-2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece
31	626	ID-005	PT. Novell Pharmaceutical laboratories	Jl. Wanaherang No.35, Tlajung Udik, 16962 Gunung Putri, Bogor, Indonesia	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (ampoule);	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2020_0017	04-06-2020	12-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức
32	627	IE-019	Alkermes Pharma Ireland Ltd	Monksland, Athlone, Co.Westmeath, N37 EA09, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU - GMP	22307/M1067	21-08-2018	16-06-2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland
33	628	IE-020	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow) (Cách ghi khác: MSD Ireland)	Dublin Road, Carlow, Co. (hoặc County) Carlow, Ireland	* Thuốc vô trùng: (không bao gồm đóng gói cấp 2 và xuất xưởng): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	18380/M11312/00001	13-03-2018	24-11-2020	Health Products Regulatory Authority, Ireland
34	629	IE-021	Pinewood Laboratories Ltd	Ballymacarbry, Clonmel, Co. Tipperary, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốt; thuốc dạng bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ). * Đóng gói sơ cấp: Các dạng bào chế trên. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	24905/M281	18-10-2019	17-05-2022	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland
35	630	IE-022	Athlone laboratories Limited	Ballymurray, Co. Roscomon, Ireland Cách viết khác: Ballymurray, Roscomon Co. Roscomon, Ireland	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén; thuốc bột (Reconstitution).	EU-GMP	24347/M298	12-06-2019	15-03-2022	Health Products Regulatory Authority (Ireland)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
36	631	IN-001	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd (Plant 6)	Dhirubhai Ambani Life Science Centre (DALC), Thane, Belapur Road, Rabale, Navi Mumbai, Maharashtra, IN-400701, India	* Thuốc không vô trùng (Thuốc ung thư): viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 41432 Insp GMP 41432/6618 812-0005	08-02-2019	06-08-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom
37	632	IN-001	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd (Plant 6)	Dhirubhai Ambani Life Sciences Centre (DALC), Plant 3, 5, 6 Plot No. R-282, Thane Belapur Road, Rabale, Thane 400701 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng (chứa chất gây độc tế bào): Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/91940/2 020/11/325 02	14-07-2020	13-07-2023	FDA Maharashtra, India
38	633	IN-034	Hetero Labs Limited	Unit V, Block V and V-A, TSIIIC- Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, 509301, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	EU-GMP	FI006/001/2 019	01-04-2019	25-01-2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal
39	634	IN-034	Hetero Labs Limited	Unit V, Block VB, TSIIIC- Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, Pin-509301, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc ung thư: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng.	EU-GMP	18/09386-7	19-11-2018	30-08-2021	Norwegian Medicines Agency

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
40	635	IN-034	Hetero Labs Limited Unit-V	Sy. No.439, 440, 441 & 458, TSIIC- Formulation SEZ Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana State, India	Abacavir sulfate and Lamivudine tablets 600mg/300mg; Abacavir and Lamivudine tablets 600mg/300mg; ABACAVIR TABLETS 300mg; Abiraterone acetate tablets 250mg; Afatinib tablets 40mg, 30mg, 20 mg; Amlodipine tablets 5mg, 10mg; Aripiprazole Tablets 5mg, 10 mg, 15 mg; Atorvastatin calcium tablets 10mg, 20mg, 40mg, 80mg; Atorvastatin tablets 10mg, 20mg, 40mg, 80mg; ATOVAQUONE 62.5mg+ PROGUANIL HYDROCHLORIDE 25mg TABLETS; ATOVAQUONE 250mg+ PROGUANIL HYDROCHLORIDE 100mg TABLETS; Celecoxib capsules 100mg, 200mg; CINACALCET TABLETS 30mg; Clopidogrel tablets 75mg, 300mg; DACLATASVIR TABLETS 30mg: DACLAHEP; DERIPEX 10, 15; EFAVIRENZ, LAMIVUDINE AND TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARATE TABLETS 600/200/300mg; Efavirenz, Emtricitabine and tenoforvir disproxil fumarate tablets 600mg/200mg/300mg; Efavirenz 600mg, Emtricitabine 200mg and Tenofovir Disoproxil Furamate 300mg Tablets; Efavirenz Tablets 600mg; Entecavir tablets 0.5mg, 1mg; Eszopiclone tablets 1mg, 2mg, 3mg; Fexofenadine hydrochloride tablets 120mg; FEXOFENADINE HYDROCHLORIDE TABLETS 180mg: FEXOGEN 180; GEFITINIB TABLETS 250mg; IBRUTINIB CAPSULES 140mg; Irbesartan and hydrochlorothiazide tablets 300mg/12.5mg, 300mg/25mg; Irbesartan tablets 75mg, 150mg, 300mg; IRBESARTAN AND HYDROCHLOROTHIAZIDE TABLETS 150mg/12.5mg: IRBIGEN-H 150mg/12.5mg; Lacosamide tablets 50mg, 100mg, 150mg, 200mg; Lamivudine and Zidovudine tablets USP 150mg/300mg; Lamivudine tablets 100mg; Ledipasvir and sofosbuvir tablets 90mg/400mg; LENALIDOMIDE CAPSULES 5mg, 10mg, 25mg; Levofloxacin tablets 250mg, 500mg; Levofloxacin tablets USP 250 mg, 500 mg; Memantine hydrochloride tablets 5mg, 10mg, 15mg, 20mg; Montelukast sodium chewable tablets 4mg, 5mg, 10mg; Montelukast Sodium Tablets 10 mg; Mycophenolate Mofetil capsules 250mg, 500mg; Mycophenolate Mofetil Capsules USP 250 mg; Mycophenolate Mofetil Tablets 500mg; Olmesartan medoxomil tablets 5mg, 10mg, 20mg, 40mg; OLMESARTAN MEDOXOMIL TABLETS 20mg, 40mg: OLMICARD 20, 40; Olmesartan Medoxomil and Hydrochlorothiazide Tablets 20mg/12.5mg, 40mg/12.5mg, 40mg/25mg; Olanzapine tablets 5 mg, 10 mg; Pantoprazole gastro resistant tablets 20mg, 40mg; Perindopril tablets 8mg; Perindopril erbumine tablets 8mg; POMALIDOMIDE CAPSULES 1mg, 2mg, 3mg, 4mg; PRASUGREL TABLET 5mg, 10mg; Quetiapine fumarate tablets 25mg, 100mg, 200mg, 300mg; Quetiapine fumarate tablets USP 25 mg; ROSUVASTATIN TABLETS 10mg, 20mg: ROST 10, 20; ROSUVASTATIN CALCIUM TABLETS 5mg, 10mg, 20mg, 40mg; Saquinavir mesilate tablets 500mg; Sildenafil citrate tablets 20mg, 25mg, 50mg, 100mg; SITAGLIPTIN FILM COATED TABLETS 25mg, 50mg, 100mg; SITAGLIPTIN AND METFORMIN HYDROCHLORIDE 50mg/850mg, 50mg/1000mg FILM COATED TABLETS; Telmisartan and hydrochlorothiazide tablets USP 40mg/12.5mg, 80mg/12.5mg; Telmisartan and Hydrochlorothiazide 80mg/12.5mg; TELMISARTAN TABLETS 40mg, 80mg: TELCARD 40, 80; Tenofovir disoproxil Fumarate and Lamivudine tablets 300mg/300mg; TENOFOVIR ALAFENAMIDE TABLETS 25mg; Tolterodine Tartrate tablets 1 mg, 2 mg; Valacyclovir hydrochloride tablets 1000mg, 500mg; Valganciclovir tablets 450mg; VALGANCICLOVIR TABLETS 450mg: GANCIL 450; Ziprasidone capsules 20mg, 40mg, 60mg, 80mg.	WHO-GMP	L.DIS.NO. 735/E1/2019	31-07-2019	31-07-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India
41	636	IN-034	Hetero Labs Limited Unit-V	Sy. No.439, 440, 441 & 458, TSIIC- Formulation SEZ Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana State, India	Moxifloxacin hydrochloride Tablets 400 mg; Moxifloxacin Tablets 400 mg; Telmisartan tablets 20 mg; Aripiprazole tablets 30 mg; Aripiprazole tablets 100 mg; Progulanil tablets 100 mg; Valsartan tablets 80 mg.	WHO-GMP	L. Dis. No. 4528/E1/2019	17-01-2020	31-08-2021	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India
42	637	IN-038	Milan Laboratories (India) Pvt. Ltd	Plot Nos. 35,36,63,64,65,67&87 Jawahar Co-Op Industrial Estate Ltd, Kamothe, Raigad 410209 Maharashtra State, India	Viên nang (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin); bột pha syro/hỗn dịch (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin); Thuốc dùng ngoài (kem, mỡ, gel), thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin);	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP-CERT/KD/84030/2020/11/30714	01-07-2020	01-06-2023	FDA Maharashtra, India
43	638	IN-039	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, P.O. Guru Majra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P.), India	* Thuốc tiêm thể tích nhỏ điều trị ung thư: Thuốc đông khô; thuốc dạng lỏng.	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 488/06 Vol-V	05-08-2019	28-08-2021	Health and Family Welfare Department Himachal Pradesh, India

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
44	639	IN-039	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, P.O. Guru Majra, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan (H.P.), India	* Thuốc điều trị ung thư: viên nén, viên nang cứng	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 150/06 Vol-IV	05-08-2019	28-08-2021	Health and Family Welfare Department Himachal Pradesh, India
45	640	IN-039	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, IN-174101, India	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng : Viên nang cứng, Viên nén. * Thuốc điều trị ung thư: Thuốc độc tế bào.	EU-GMP	UK GMP 29338 Insp GMP 29338/4438 41-0008	07-12-2018	30-04-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom
46	641	IN-040	Zota Healthcare Ltd	Plot No 169, Surat Special Economic Zone, Near Sachin Railway Station, Sachin, city: Surat, Dist: Surat, Gujarat State, India	Viên nén, viên nang	WHO-GMP	20021858	17-02-2020	16-02-2023	Food & Drugs Control Administration Gujarat State, India
47	642	IN-047	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachubally (Village), Quthubullapur (Mandal), R.R. District, Hyderabad, Talangana State, 500 090, India (Cách viết khác: Survey No. 314, Bachubally Village, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajgiri district, Talangana State, India)	Thuốc chứa penicillin: Dạng bào chế rắn (viên nén; viên nang; hỗn dịch uống); thuốc tiêm vô trùng (thuốc bột pha tiêm)	WHO-GMP	13178/A3/2 017	29-06-2018	29-06-2021	Drugs Control Administration Government of Telangana, India
48	643	IN-047	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachubally (Village), Quthubullapur (Mandal), R.R. District, Hyderabad, Talangana State, 500 090, India (Cách viết khác: Survey No. 314, Bachubally Village, Bachupally Mandal, Medchal-Malkajgiri district, Talangana State, India)	* Thuốc vô trùng chứa kháng sinh nhóm penicillin: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha dung dịch tiêm/ tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm penicillin: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; Viên nén. * Sản phẩm cụ thể: + Thuốc bột pha dung dịch tiêm/ tiêm truyền (Amoxicillin; Ampicillin; Ampicillin + Sulbactam; Flucloxacillin; Piperacillin+Tazabactam); + Viên nén bao phim (Co-Amoxiclav); viên nén (Flucloxacillin; Phenoxymethyl penicillin; Pivmecillinam, Amoxicillin; Pantoprazole 40mg; Clarithromycin 500mg); + Viên nang (Amoxicillin; Cloxacillin; Flucloxacillin); + Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Amoxicillin; Co-Amoxiclav; Flucloxacillin, Amoxicillin+Clavulanic)	EU-GMP	000308/06.0 8.02.00/201 7	14-08-2018	20-04-2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)
49	644	IN-049	Hetero Labs Limited	Unit III Formulation Plot No 22 - 110 IDA, Jeedimetla, Hyderabad, 500 055 Telangana, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/065HV/1 7*	07-02-2020	03-03-2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
50	645	IN-049	Hetero Labs Limited	Unit III, 22 - 110 I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana State, India	Levetiracetam Tablets 500 mg; Levetiracetam Tablets 750 mg; Levetiracetam Tablets 1000 mg; Lansoprazole Delayed Release Capsules 15 mg; Lansoprazole Delayed Release Capsules 30; Lithium Carbonate Capsules 300 mg; Oseltamivir Phosphate Capsule IP 75 mg; Ritonavir Tablets IP 100 mg; Ritonavir & Lopinavir Tablets; Dabigatran Etexilate capsules 150 mg.	WHO-GMP	L. Dis.No. 2797/E1/2019	27-08-2019	27-08-2022	Drugs Control Administration, Government of Telangana, India
51	646	IN-065	Cipla Limited	Plot No 9 & 10, Phase II, Indore Special Economic Zone, Pithampur, Dist, Dhar, Madhya Pradesh, India.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiêm trùng cuối: thuốc tiêm (syringe đóng sẵn); + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt đa liều, thuốc hít (dung dịch, hỗn dịch); thuốc xịt mũi (dung dịch, hỗn dịch); * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang cứng, pellet; viên nén, viên nén bao, viên nén sủi bọt, thuốc bột sủi bọt; thuốc hít (dạng bột); thuốc hít (dạng bình xịt phân liều).	WHO-GMP	03/2010	22-09-2016	18-06-2022	Cơ quan quản lý Dược bang Madhya Pradesh, Ấn Độ.
52	647	IN-094	Glenmark Pharmaceuticals Ltd (Unit II)	Village Bhattanwala, P.O. Rajpura, Nalagarh, Distt, Solan (H.P.) India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (Hỗn dịch, si rô); thuốc dùng ngoài (kem, gel, lotion).	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 05/09	01-05-2020	30-04-2023	State Drugs Controller, Controlling-cum-Licensing Authority, Himachal Pradesh, India
53	648	IN-097	USV Private Limited	H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, OIDC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiêm trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4167 2-0006	03-01-2019	23-07-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom
54	649	IN-097	USV Private Limited	H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, 396210, India	* Viên nén; Viên nang cứng; Thuốc cốm; Thuốc tiêm vô trùng; Bơm kim tiêm đóng sẵn.	WHO-GMP	DCD/ D&D/ LA/ 2019 - 2020/826	27-01-2020	27-01-2023	Medical & Health service, Drugs Licensing Authority, UT of Daman & Diu, Daman, INDIA
55	650	IN-098	Zim Laboratories Limited	B-21/22, MIDC area, Kalmeshwar, Nagpur 441501 Maharashtra state, India	* Dải phim phân tán trong miệng.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/ND/74728/2018/11/24341	03-08-2018	02-08-2021	Food & Drug Administration, M.S. Bandra (E), Mumbai, Maharashtra state, India
56	651	IN-106	Mylan Laboratories Limited	Plot No H12 & H13, MIDC, Waluj, Aurangabad 431136 Maharashtra State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/AD/72573/2018/11/26257	18-12-2018	17-12-2021	Food & Drug Administration, M,S Bandra (E) Mumbai Maharashtra State, India
57	652	IN-107	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, IN-422113, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/NKD/67644/2018/11/23789	13-06-2018	12-06-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India
58	653	IN-107	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, IN-422113, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	HPRA25287/INS-GMP-2017-097	10-04-2019	16-11-2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
59	654	IN-109	M/s Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd	Vill. Thana, Baddi, Distt. Solan (H.P), India	* Viên nén, viên nang, bột pha siro (dry syrup) chứa penicillin. * Thuốc uống dạng lỏng * Thuốc dùng ngoài (kem, mỡ) * Viên nén, bột pha siro (dry syrup) chứa cephalosporine	WHO-GMP	HFW-H [Drugs] 104/05	11-06-2018	18-05-2020	Health & Family Welfare Department Himachi Pradest, Distt. Solan - India (State Drugs Controller)
60	655	IN-111	Cipla Ltd.	Unit II, PLOT NO. A-42, M.I.D.C., PATALGANGA, RAIGAD 410220 MAHARASHTRA STATE, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/KD/83192/2 019/11/296 28	03-10-2019	26-09-2022	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India
61	656	IN-111	Cipla Limited Unit I & Unit II	UNIT II, PLOT NO A-42, MIDC, PATALGANGA, DISTRICT RAIGAD, MAHARASHTRA, IN-410 220, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4416 87-0005	22-05-2018	19-02-2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom
62	657	IN-117	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. E-37, 39, D-road, MIDC, Satpur, Nashik 422007, Maharashtra state, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài (thuốc bột; thuốc mỡ kem; lotion; gel; thuốc nhỏ tai; thuốc nhỏ mũi; thuốc dạng xịt); thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim.	WHO-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/NKD/90224/2020/11/31 612	13-04-2020	12-04-2023	Food & Drug Administration, M.S. Bandra (E), Mumbai, Maharashtra state, India
63	658	IT-027	Laboratorio Farmaceutico C.T. S.R.L.	Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; thuốc bột đông khô chứa kháng sinh nhóm Penicillin và nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng. * Đóng gói sơ cấp: Các dạng thuốc trên, bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IT/111-1/H/2018	23-04-2018	22-09-2020	Italian Medicines Agency (AIFA)
64	659	IT-041	GlaxoSmithKline manufacturing S.P.A	Via A. Fleming, 2 - Verona (VR), Italy Cách ghi khác: Via A. Fleming, 2 - Verona (VR), 37135, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	IT/109/H/2019	30-05-2019	19-04-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)
65	660	IT-041	ACS Dobfar S.p.A	Via A. Fleming, 2 - 37135 Verona (VR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	IT/27/H/2020	27-02-2020	19-04-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)
66	661	IT-052	Merck Serono S.P.A	Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) - 70026 Modugno (BA), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô: chỉ có chế phẩm sinh học chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (không bao gồm corticosteroid); Dung dịch thể tích nhỏ bao gồm chế phẩm sinh học chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (không bao gồm corticosteroid) và cytokines. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm từ máu: Chế phẩm chứa albumin người được thêm vào sản phẩm công nghệ sinh học. + Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng.	EU-GMP	IT/234/H/2018	14-11-2018	22-06-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
67	662	IT-055	Eli Lilly Italia S.P.A	V.Gramsci, 731-733 - 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italy (Cách viết khác: Via Gramsci, 731-733, Sesto Fiorentino, 50019 Florence, Italy / Via Gramsci, 731-733, 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italy)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa chế phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm công nghệ sinh học: chế phẩm protein tái tổ hợp.	EU-GMP	IT/232/H/2018	14-11-2018	22-06-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)
68	663	IT-056	ABC Farmaceutici S.P.A.	Via Cantone Moretti, 29 (loc. Localita' San Bernardo) - 10015 Ivrea (TO), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	IT/107-1/H/2018	20-04-2018	15-02-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)
69	664	IT-057	Ibsa Farmaceutici Italy S.R.L.	Via Martiri di Cefalonia, 2 - 26900 Lodi (LO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; dạng bào chế có áp lực; thuốc đạn; thuốc dạng bán rắn chứa hormon corticosteroid.	EU-GMP	IT/222/H/2019	03-12-2019	24-05-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)
70	665	IT-058	Aziende Chimiche Riunite Angelini Francesco Acraf SpA	Via Vecchia del Pinocchio, 22 - 60131 Ancona (AN), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nén; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc bán rắn chứa hormon sinh dục; thuốc đặt chứa hormon sinh dục; thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	IT/164/H/2019	10-09-2019	16-05-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)
71	666	JP-026	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	* Sản phẩm: + Viên nén bao đường Myonal 50mg (Eperisone hydrochloride 50mg); + Viên nén phân tán trong miệng Aricept Evess 5mg (Donepezil hydrochloride 5mg); + Viên nén phân tán trong miệng Aricept Evess 10mg (Donepezil hydrochloride 10mg); + Viên nén bao tan trong ruột Pariet 20mg (Sodium Rabepazole 20mg).	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	2728; 5315; 5316; 4702	04-09-2018; 14-02-2019; 10-01-2021	06-08-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
72	667	KR-033	Dae Han New Pharm. Co., Ltd.	66 Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén (viên nén không bao, viên nén bao phim); Viên nang cứng. * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm; Thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2020-D1-2271	11-06-2020	18-03-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
73	668	KR-040	Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd	18 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang cứng, viên nang mềm; Thuốc uống dạng lỏng; Siro; Thuốc kem; Thuốc mỡ; Lotion.	PIC/S-GMP	2019-D1-3084	24-12-2019	22-08-2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea
74	669	KR-047	Janssen Korea, Ltd	45 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Viên nén, viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2020-D1-2068	27-05-2020	08-04-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea
75	670	KR-051	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd.	28, Boksanggol-gil, Angseong-myeon, Chungju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng kéo dài; viên nang cứng; thuốc bột; viên ngậm (trocher); viên nhai (gum). * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel. * Miếng dán hấp thu qua da; bột nhão.	PIC/S-GMP	2019-G1-2292	29-11-2019	29-08-2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea
76	671	NL-004	N.V. Organon	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (cách ghi khác: Kloosterstraat 6, 6349 AB Oss, Netherlands)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon): thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc chứa hormon): dung dịch thể tích nhỏ; sản phẩm cấy ghép. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon): viên nén; viên nén bao; thuốc cốt. * Sản phẩm sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; các sản phẩm chiết xuất từ nước tiểu. * Đóng gói sơ cấp: bao gồm cả viên nang mềm. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	NL/H 19/214277A	17-12-2019	05-12-2022	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Products, Netherlands
77	672	NL-007	Pharmachemie B.V	Swensweg 5, Haarlem, 2031GA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (kìm tế bào): Thuốc đông khô, thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (kìm tế bào): Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bột khô hít - dry powder inhalation)	EU-GMP	NL/H 18/2003994	15-06-2018	08-02-2021	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands
78	673	NZ-001	Douglas Manufacturing Ltd	Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610, New Zealand	* Thuốc chứa kháng sinh (không bao gồm nhóm penicillin và cephalosporin): Thuốc kem; viên nang cứng; dung dịch; viên nén. * Thuốc chứa hormon và steroid: Thuốc kem; viên nang mềm; kem dưỡng; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Các chế phẩm (không bao gồm vitamin) có liều nhỏ hơn hoặc bằng 5mg: Viên nang cứng; viên nang mềm; Elixir; Siro; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Thuốc chống ung thư, thuốc ức chế miễn dịch (không bao gồm steroid): Viên nang mềm; viên nén. * Thuốc khác: Thuốc kem; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống nhỏ giọt; Elixir; Gel; siro; kem dưỡng; thuốc mỡ; thuốc bột; dầu gội; dung dịch; hỗn dịch; siro; viên nén. * Đóng gói thành phẩm viên nang mềm	PIC/S-GMP	TT60-42-16-3-3	21-02-2020	21-08-2021	Medicines and Medical Devices Safety Authority (Medsafe), New Zealand
79	674	RO-004	Antibiotice SA (Cách ghi khác: S.C. Antibiotice S.A.)	Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa nhóm kháng sinh Penicillin và nhóm kháng sinh Cephalosporin); viên nén, viên nén bao phim; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, kem, gel); thuốc đạn.	EU-GMP	040/2017/RO	11-08-2017	31-12-2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania
80	675	RO-011	Arena Group S.A.	Bd. Dunarii nr.54, Oras Voluntari, Jud. Ilfov, cod 077190, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betactam, corticosteroid); viên nén, viên nén bao, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid).	EU-GMP	010/2018/RO	12-02-2018	12-01-2021	Romania National Agency for Medicines and Medical Devices

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
81	676	RU-003	"PharmFirm "Sotex"	Tỉnh Matxcova, quận Sergiev Posad, làng Bereznayakovskoe, khu dân cư Belikovo, nhà số 10, Liên bang Nga	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ: thuốc chứa hormon (dung dịch tiêm; dung dịch truyền); thuốc có nguồn gốc từ động vật (dung dịch tiêm); thuốc không yêu cầu sản xuất riêng (dạng lỏng cô đặc; dung dịch tiêm). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ: Thuốc không yêu cầu sản xuất riêng (dung dịch đậm đặc; dung dịch tiêm); thuốc công nghệ sinh học. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch uống.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0038-000332/18	29-11-2018	08-10-2021	Bộ Công thương, Liên bang Nga
82	677	RU-003	"PharmFirm "Sotex"	Tỉnh Matxcova, quận Sergiev Posad, làng Bereznayakovskoe, khu dân cư Belikovo, nhà số 12, Liên bang Nga	* Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói thứ cấp: Dung dịch tiêm, dung dịch truyền chứa hormon; dung dịch tiêm thuốc sinh học có nguồn gốc từ động vật; dung dịch tiêm; thuốc cổm; viên nang; viên nang mềm; dung dịch; viên nén, viên nén bao phim.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0038-000333/18	10-12-2018	08-10-2021	Bộ Công thương, Liên bang Nga
83	678	RU-003	"PharmFirm "Sotex"	Tỉnh Matxcova, quận Sergiev Posad, làng Bereznayakovskoe, khu dân cư Belikovo, nhà số 11, Liên bang Nga	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng.	Russian-GMP (tương đương WHO-GMP)	GMP-0038-000334/18	10-12-2018	08-10-2021	Bộ Công thương, Liên bang Nga
84	679	RU-003	CJSC "Sotex "PharmFirm"	Bld. 10, bld. 11, bld. 12, Belikovo village, Bereznayakovskoe rural settlement, Sergiev-Posad municipal district, Moscow region, 141345, Russian Federation	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (Tại dây chuyền A, B, D). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (Tại dây chuyền A, D).	EU-GMP	UP/I-530-10/19-03/25, 381-10-05/243-19-03	02-10-2019	07-03-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia
85	680	SE-005	AstraZeneca AB	Freeze Dried and Genuair, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden (* Địa chỉ chung: SE- 15185 Sodertalje, Sweden)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô. * Thuốc không vô trùng: Thuốc bột hít đa liều.	EU-GMP	6.2.1-2019-088795	25-02-2020	06-12-2022	Swedish Medical Products Agency (MPA)
86	681	TR-012	Novartis Saglik, Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic. A.S.	Yenisehir Mahallesi, Ihlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang cứng giải phóng biến đổi; thuốc cổm, bột nhão, viên nén nhai, viên nén giải phóng biến đổi, viên nén sủi bọt, viên nén tan trong ruột, viên nén bao phim, viên nén bao. Viên nén pha hỗn dịch, viên nén, viên nén giải phóng chậm.	PIC/S-GMP	TR/ÜY/2020/25-1	05-06-2020	11-03-2023	Republic of Turkey Ministry of Health
87	682	TR-012	Novartis Saglik, Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic. A.S.	Yenisehir Mahallesi, Ihlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey	* Thuốc không vô trùng (không bao gồm xuất xưởng): Viên nang cứng; Viên nén: Viên nén, viên nén bao đường; viên bao tan trong ruột; viên không tan trong dạ dày; (Phạm vi thanh tra chỉ giới hạn ở viên nén)	EU-GMP	DE_BE_05_GMP_2019_0064	27-09-2019	27-06-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
88	683	TW-005	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, hỗn dịch thuốc uống, dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ) miếng gạc, viên nén, viên bao đường, viên bao phim, thuốc cốt, viên nang cứng, pellet, thuốc đặt.	PIC/S-GMP	5594	05-10-2019	11-12-2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)
89	684	TW-012	Nang Kuang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1001, 1001-1, Zhongshan Rd., Xinhua Dist, Tainan City, Taiwan (R.O.C.)	* Thuốc không vô trùng: dung dịch; thuốc mỡ (thuốc kem); viên nén bao phim (viên nén, thuốc bột, thuốc cốt); viên nang cứng.	PIC/S-GMP	4748	03-12-2018	11-06-2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)
90	685	US-015	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA	* Sản phẩm: Restasis® (Cyclosporine ophthalmic emulsion) 0,05% Tên ở Việt Nam: : Restasis - Ophthalmic emulsion	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	WK6N-MXXF	30-04-2020	29-04-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
91	686	US-015	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA	* Sản phẩm: Alphagan® P (Brimonidine Tartrate Ophthalmic solution) 0,15% Tên ở Việt Nam: Alphagan P - Ophthalmic solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	2U7E-574N	07-10-2019	06-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
92	687	US-015	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Dr., Waco, TX 76712, USA	* Sản phẩm: Refresh Tears®, Drops Tên ở Việt Nam: Refresh Tears - Ophthalmic solution	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	XVCY-KQAU	20-08-2019	19-08-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
93	688	US-026	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén Norvasc (Amlodipine besylate 5 mg), tên thương mại tại Việt Nam: Amlor	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	T7ZD-UB2Y	14-05-2019	13-05-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
94	689	US-026	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nang Celebrex (Celecoxib 200mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	A5J4-8XVG	14-02-2020	13-02-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
95	690	US-026	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nang cứng Neurontin (Gabapentin 300mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	7PN6-DJRK	09-10-2019	08-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
96	691	US-026	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 10 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	SHE8-69Z5	31-10-2019	30-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
97	692	US-026	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 20 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	W3CG-SS7P	31-10-2019	30-10-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
98	693	US-026	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA (cách ghi khác: Km 1.9, Road 689, Vega Baja, PR 00693, Puerto Rico, USA hoặc Km 1.9, Road 689, Vega Baja, Puerto Rico (PR) 00693, USA)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (Atorvastatin 40 mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PBW2-ZB5E	07-11-2019	06-11-2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)